

Dự thảo

**LUẬT
PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình; các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân).

2. Cơ quan, tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; cá nhân người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

3. Luật này áp dụng đối với cả những trường hợp vợ, chồng đã ly hôn hoặc chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục đối với thành viên khác trong gia đình.

2. Bạo lực gia đình trên cơ sở giới là hành vi bạo lực giữa các thành viên gia đình với nhau dựa trên giới tính nhằm tước bỏ quyền của thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật.

3. Vi phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình là hành vi bạo lực gia đình và các hành vi khác do tổ chức, cá nhân cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định của pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Mâu thuẫn trong gia đình là sự khác biệt về nhận thức, lối sống, thói quen, sở thích giữa các thành viên hoặc các nguyên nhân khác dẫn đến đối lập, tranh cãi, không thống nhất.

5. Tranh chấp trong gia đình là sự tranh giành về quyền lợi giữa các thành viên gia đình.

6. Người có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình bao gồm:

a) Người đã từng có hành vi bạo lực gia đình; dung túng, bao che hành vi bạo lực gia đình;

b) Người có định kiến giới;

c) Người nghiện rượu, bia, ma túy và các chất gây nghiện khác;

d) Người đánh bạc, nghiện game, người không có thu nhập ổn định; người sống trong gia đình có bạo lực.

7. Cấm tiếp xúc là biện pháp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Tòa án nhân dân áp dụng nhằm ngăn chặn người có hành vi bạo lực gia đình tiếp cận người bị bạo lực gia đình để thực hiện hành vi bạo lực hoặc sử dụng công cụ, phương tiện hỗ trợ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

8. Hỗ trợ khẩn cấp trong phòng, chống bạo lực gia đình là hành động của tổ chức, cá nhân nhằm trợ giúp cho người bị bạo lực có chỗ ở an toàn và những nhu yếu phẩm khác trong trường hợp người bị bạo lực nếu ở tại gia đình có nguy cơ tiếp tục bị bạo lực.

9. Trục lợi trong phòng, chống bạo lực gia đình là hành vi lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thu lợi bất chính hoặc đẩy người bị bạo lực gia đình vào tình trạng bị lệ thuộc để ép buộc người bị bạo lực phải phục tùng.

10. Hoà giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là phương thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ ba làm trung gian để hóa giải nguy cơ mâu thuẫn, tranh chấp dẫn đến bạo lực; hỗ trợ xử lý vụ việc bạo lực gia đình; phòng ngừa bạo lực tái diễn.

11. Dung túng, bao che bạo lực gia đình được hiểu là một trong các hành vi sau đây:

a) Chứng kiến vụ việc bạo lực gia đình nhưng không báo tin cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

b) Có khả năng ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình mà không tham gia ngăn chặn;

c) Kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình;

d) Cung cấp thông tin sai lệch về vụ việc bạo lực gia đình;

đ) Tiếp nhận tin báo về bạo lực gia đình nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng với tính chất của hành vi bạo lực;

e) Không ghi chép, theo dõi tình hình bạo lực gia đình ở địa phương; không thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này.

12. Xác minh tin báo về vụ việc bạo lực gia đình là hành động của người có thẩm quyền nhằm đánh giá tính xác thực của thông tin, tính chất của vụ việc bạo lực gia đình để ngăn chặn, hỗ trợ và bảo vệ người bị bạo lực gia đình.

13. Sàng lọc vụ bạo lực gia đình là xem xét phân loại vụ bạo lực gia đình, hành vi bạo lực và mức độ người bị bạo lực gia đình tổn thương để có biện pháp xử lý thích hợp.

14. Làm lộ thông tin về bạo lực gia đình là hành vi khiến cho những người không có trách nhiệm xử lý vụ việc bạo lực gia đình biết thông tin.

15. Phát tán thông tin về người bị bạo lực gia đình là hành vi truyền bá thông tin về nhân thân, chỗ ở, nơi làm việc của người bị bạo lực khi chưa được sự đồng ý của người đó hoặc người đại diện theo pháp luật.

16. Nhạy cảm giới trong phòng, chống bạo lực gia đình là nhận thức sự khác biệt về giới khi áp dụng biện pháp cụ thể để xử lý, can thiệp, bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.

17. Hộ gia đình là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng đang sống chung.

Điều 4. Hành vi bạo lực gia đình

1. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng.

2. Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

3. Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây tổn hại về thể chất, tinh thần.

4. Ngăn cản thành viên gia đình tham gia các hoạt động hợp pháp.

5. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong các mối quan hệ giữa các thành viên gia đình với nhau.

6. Phát tán hình ảnh, thông tin, tài liệu riêng tư của thành viên gia đình khi chưa được sự đồng ý của người có liên quan.

7. Cưỡng ép quan hệ tình dục.

8. Cưỡng ép thực hiện các hành vi tình dục mà vợ hoặc chồng không mong muốn.

9. Cưỡng ép nghe, xem âm thanh, hình ảnh khiêu dâm.

10. Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn; cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

11. Chiếm đoạt, hủy hoại hoặc có hành vi cố ý khác chiếm đoạt, hủy hoại tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung của thành viên gia đình.

12. Cường ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ.

13. Kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.

14. Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Điều 5. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình

1. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật và các kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và đảm bảo bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

2. Vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình phải được ngăn chặn, xử lý kịp thời, đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

3. Đảm bảo các nguyên tắc bình đẳng giới và quyền con người trong phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình và bảo vệ hỗ trợ người bị bạo lực gia đình;

5. Thực hiện nêu gương trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

6. Ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên yếu thế trong gia đình (phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật), và bảo đảm yếu tố nhạy cảm giới trong xử lý vụ việc bạo lực gia đình.

7. Người có hành vi bạo lực gia đình với phụ nữ đang mang thai, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em; người có hành vi bạo lực trong tình trạng đã sử dụng rượu, bia; người có hành vi bạo lực đã bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý mà vẫn tiếp tục vi phạm là tình tiết tăng nặng trong xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 6. Những hành vi bị cấm

1. Các hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 4 Luật này.

2. Cường bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

3. Dung túng, bao che bạo lực gia đình.

4. Làm lộ, phát tán thông tin, làm sai lệch thông tin về bạo lực gia đình dưới mọi hình thức.

5. Sử dụng các ứng dụng của khoa học, công nghệ nhằm kích động bạo lực gia đình; nói xấu hoặc đe dọa thành viên gia đình.

6. Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng; đẩy mạnh hình thức giáo dục nêu gương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang chấp hành pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình. Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình ngoài công lập được hưởng chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và giáo dục đào tạo.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm phát hiện, ngăn chặn bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; ưu tiên nguồn lực ứng dụng khoa học, công nghệ trong thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình; cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Nhà nước khuyến khích tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình thông qua các loại hình văn hóa - nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng.

5. Tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình được biểu dương, khen thưởng; nếu bị thiệt hại tài sản mà người gây thiệt hại không có khả năng bồi thường thì được Nhà nước hoàn trả; cá nhân bị tổn hại về sức khỏe được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe.

6. Người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình trong các ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an, Tòa án, Kiểm sát phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tâm lý, gia đình và nhạy cảm giới.

Điều 8. Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Lấy tháng 6 hằng năm là Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình là hoạt động cao điểm trong triển khai các nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hằng năm hướng dẫn triển khai Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 9. Hợp tác quốc tế

1. Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

2. Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm:

- a) Tham gia tổ chức quốc tế; ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình;
- b) Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án, hoạt động về phòng, chống bạo lực gia đình;
- c) Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình;
- d) Thực hiện nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực về phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương II **QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM** **TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên gia đình

1. Yêu cầu thành viên khác trong gia đình tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Yêu cầu thành viên gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình với mình hoặc với thành viên khác trong gia đình.
3. Chăm sóc, bảo vệ thành viên bị bạo lực gia đình.
4. Đưa thành viên trong gia đình bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, đến nơi an toàn.
5. Báo tin cho cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền về bạo lực trong gia đình để kịp thời ngăn chặn vụ việc bạo lực gia đình.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người bị bạo lực gia đình

1. Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu các thành viên gia đình và xã hội tôn trọng, bảo vệ, hỗ trợ, đảm bảo chỗ ở an toàn và giữ bí mật đời tư;
 - b) Được thông tin về các quyền và nghĩa vụ liên quan khi giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình, xử lý vụ việc bạo lực gia đình;
 - c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm tiếp xúc; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của Luật này;
 - d) Được bố trí chỗ ở an toàn, được giữ bí mật về chỗ ở và thông tin khác theo quy định của Luật này;
 - đ) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật. Trường hợp có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ phí dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;
 - e) Yêu cầu người gây bạo lực gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm;
 - g) Được ưu tiên chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên trong trường hợp ly hôn;

h) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế buộc người gây bạo lực thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng con và hỗ trợ người bị bạo lực gia đình nuôi con chưa thành niên theo quyết định của tòa án trong trường hợp ly hôn;

i) Được hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; vay vốn phát triển kinh tế gia đình;

k) Được hưởng chế độ bảo hiểm trong thời gian điều trị tại cơ sở chữa bệnh đối với người có tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

l) Yêu cầu người sử dụng lao động không được làm tổn hại đến quyền lao động theo quy định của pháp luật;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người bị bạo lực gia đình có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực liên quan đến vụ việc bạo lực gia đình; hợp tác với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người gây bạo lực gia đình

1. Chấm dứt hành vi bạo lực gia đình.

2. Chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3. Kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu; chăm sóc người bị bạo lực gia đình trong thời gian điều trị tại cơ sở chữa bệnh, trừ trường hợp người bị bạo lực gia đình từ chối.

4. Chủ động khắc phục hậu quả đã gây ra cho người bị bạo lực gia đình; bồi thường thiệt hại cho người bị bạo lực gia đình khi có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành biện pháp áp dụng nhằm kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân trong cộng đồng

1. Yêu cầu người gây bạo lực chấm dứt ngay hành vi bạo lực.

2. Báo tin ngay đến các địa chỉ quy định tại Khoản 1 Điều 29 Luật này.

3. Tham gia ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; bảo vệ an toàn cho người bị bạo lực; đưa người bị bạo lực gia đình đến cơ sở y tế gần nhất trong trường hợp người bị bạo lực cần sự trợ giúp y tế.

4. Tham gia hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

Điều 14. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

1. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; phân bổ ngân sách hằng năm để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Xã hội của Quốc hội giám sát thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; khuyến khích tổ chức các buổi tiếp xúc cử tri chuyên đề về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Báo cáo kinh tế - xã hội được xem xét tại kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp phải có nội dung về kết quả thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình.

2. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Thực hiện báo cáo thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình thuộc trách nhiệm xử lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Giám sát, phản biện, tham vấn, kiến nghị đối với cơ quan Nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, phân bổ nguồn lực phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích, động viên hội viên và nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

3. Kiến nghị những biện pháp cần thiết với cơ quan Nhà nước có liên quan để thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác; tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ người bị bạo lực gia đình.

4. Tham gia giám sát với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

1. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có quyền sau:

a) Cử đại diện tham gia xét xử hội thẩm nhân dân các vụ án bạo lực gia đình mà người bị bạo lực là hội viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

b) Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng hoặc hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc; áp dụng các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ khẩn cấp cho người bị bạo lực gia đình là hội viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

c) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp giáo dục đối với người gây bạo lực gia đình;

d) Giám sát việc thực hiện biện pháp quy định tại điểm b, điểm c Khoản này.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 16 Luật này;

b) Tham gia thực hiện hoạt động tư vấn, hòa giải về phòng, chống bạo lực gia đình ở cơ sở; tổ chức cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình;

c) Tổ chức các hoạt động dạy nghề, giới thiệu việc làm; tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ người bị bạo lực gia đình;

d) Xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình tại cộng đồng;

đ) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo vệ và hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế

1. Tham gia giám sát việc thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên cam kết không gây bạo lực gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc.

3. Tham gia tư vấn, hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, giáo dục người có hành vi bạo lực gia đình.

4. Tiếp nhận, thu thập thông tin từ thành viên và xã hội để phản ánh, kiến nghị, tư vấn cho cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cá nhân về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Được khuyến khích thành lập cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

6. Chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương III **PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Mục 1 **THÔNG TIN, GIÁO DỤC, TRUYỀN THÔNG** **VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Điều 19. Mục đích, yêu cầu trong thông tin, giáo dục, truyền thông

1. Thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, định hướng hành vi ứng xử tích cực trong các mối quan hệ gia đình, xây dựng các giá trị nhân văn, tiến bộ trong gia đình.

2. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Chính xác, khách quan và khoa học;
- b) Thường xuyên;
- c) Phù hợp, dễ tiếp cận và hiệu quả đối với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc, tôn giáo và phong tục tập quán tốt đẹp;

d) Chú trọng đến đối tượng có nguy cơ cao và tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Điều 20. Nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông

1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; các chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Các loại hành vi bạo lực gia đình; hậu quả của bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn bạo lực gia đình.

4. Kỹ năng xây dựng và tổ chức đời sống gia đình; kỹ năng ứng phó với căng thẳng trong mối quan hệ gia đình; kỹ năng nhận biết và ứng xử, xử trí khi có nguy cơ hoặc bị bạo lực gia đình.

5. Hướng dẫn hộ gia đình ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã không có hành vi bạo lực gia đình, tích cực tham gia phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng;

6. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, đưa tiêu chí không gây bạo lực gia đình vào bình xét, thi đua, khen thưởng cuối năm đối với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

7. Thông tin về mặt trái của môi trường mạng và công nghệ số làm gia tăng nguy cơ bạo lực gia đình.

8. Các biện pháp phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình, tác hại của sử dụng rượu, bia.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, hướng dẫn sử dụng tài liệu mẫu để thông tin, giáo dục, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 21. Hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông

1. Thực hiện trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề, tư vấn, hòa giải, mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, các ứng dụng trên Internet, qua tin nhắn điện thoại, panô, áp-phích, tranh cổ động, tài liệu, cuộc thi tuyên truyền, tìm hiểu pháp luật và kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Chiến dịch truyền thông, xét xử lưu động một số vụ án điển hình nhằm cảnh báo, răn đe, giáo dục chung đối với mọi người.

4. Lồng ghép trong chương trình học tại các cơ sở giáo dục.

5. Thông qua các hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch; người có uy tín, người có ảnh hưởng tích cực trong xã hội.

6. Thông qua giám sát chuyên đề, chất vấn, giải trình, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề của các cơ quan Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 22. Trách nhiệm trong thông tin, giáo dục, truyền thông

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Luật này.

2. Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở; huy động sự tham gia tích cực của các đoàn thể xã hội.

3. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình trong các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch; quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên có hành vi kích động bạo lực gia đình trong tác phẩm điện ảnh, sân khấu, truyền hình và các trò chơi điện tử.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện và ngăn chặn các thông tin, hình ảnh, dữ liệu trên không gian mạng nhằm kích động bạo lực gia đình.

Mục 2

TƯ VẤN, HÒA GIẢI TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 23. Tư vấn

1. Tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc.

2. Nội dung tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình:

- a) Thông tin, kiến thức, pháp luật về hôn nhân, gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình;
- b) Kỹ năng ứng xử trong gia đình, ứng xử khi có mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

3. Đối tượng được tư vấn:

- a) Người có hành vi bạo lực gia đình;
- b) Người bị bạo lực gia đình;
- c) Người nghiện rượu, bia, ma túy, đánh bạc;
- d) Người chuẩn bị kết hôn;
- đ) Các thành viên khác trong gia đình.

4. Loại hình tư vấn:

- a) Thông qua tổ tư vấn ở cộng đồng dân cư do tổ chức chính trị - xã hội thực hiện;
- b) Thông qua cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;
- c) Thông qua hoạt động tư vấn tiền hôn nhân, trong hôn nhân và sau hôn nhân.

5. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn của cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 24. Tư vấn viên

1. Tư vấn viên về phòng, chống bạo lực gia đình thuộc tổ tư vấn ở cộng đồng dân cư phải được tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Tư vấn viên phòng, chống bạo lực gia đình tại các cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành tiêu chuẩn đối với tư vấn viên phòng, chống bạo lực gia đình; chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam Xây dựng tài liệu tập huấn tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 25. Hòa giải

1. Nguyên tắc hòa giải

- a) Chủ động, kịp thời, kiên trì hòa giải trên cơ sở tôn trọng sự tự nguyện của các bên và bảo đảm an toàn sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực gia đình.
- b) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam;
- c) Khách quan, bình đẳng, công minh, có lý, có tình;

d) Giữ bí mật thông tin về thân nhân của các bên tham gia;

đ) Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên gia đình; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước.

2. Hòa giải không thay thế biện pháp xử lý hành chính, hình sự và các biện pháp xử lý khác.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hỗ trợ để hoạt động hòa giải có hiệu quả; khuyến khích việc mời người được đào tạo về công tác xã hội, tâm lý, người có kinh nghiệm tham gia các hoạt động hòa giải.

Điều 26. Các loại hình hòa giải

1. Hoà giải do gia đình, dòng họ tiến hành:

a) Các thành viên gia đình, dòng họ có trách nhiệm tổ chức hòa giải nhằm ngăn ngừa nguy cơ mâu thuẫn thành bạo lực;

b) Các thành viên gia đình, dòng họ khi cần thiết có quyền mời những người có liên quan như người có uy tín trong cộng đồng dân cư, bạn thân, người trong cơ quan, tổ chức hoặc nhân viên công tác xã hội cùng tham gia hòa giải.

2. Hoà giải do cơ quan, tổ chức tiến hành

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hòa giải giữa người thuộc cơ quan, tổ chức với thành viên gia đình của họ khi có yêu cầu của thành viên gia đình; trường hợp cần thiết thì phối hợp với cơ quan, tổ chức ở địa phương để tiến hành hòa giải.

3. Hoà giải do tổ chức hòa giải cơ sở tiến hành:

a) Tổ hòa giải ở cơ sở tiến hành hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở;

b) Tùy theo tính chất vụ việc bạo lực gia đình, tổ hòa giải cơ sở có thể mời thêm cá nhân, tổ chức tham gia hòa giải;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tổ chức hòa giải ở cơ sở thực hiện hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

Điều 27. Thời điểm hòa giải

1. Hòa giải ngăn ngừa bạo lực gia đình:

a) Khi phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, các thành viên trong gia đình hoặc dòng họ thực hiện biện pháp hòa giải; đề nghị Tổ hòa giải cơ sở thực hiện hòa giải;

b) Tổ hòa giải cơ sở thực hiện hòa giải khi phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình để ngăn ngừa phát sinh bạo lực gia đình.

2. Hòa giải ngăn chặn bạo lực gia đình

Khi phát hiện bạo lực gia đình, các thành viên gia đình, dòng họ, tổ hòa giải cơ sở tiến hành hòa giải để ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình tiếp diễn, đồng thời báo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Hòa giải sau khi đã xử lý bạo lực gia đình

Sau khi đã xử lý người có hành vi bạo lực gia đình, các hoạt động hòa giải được thực hiện theo trình tự hòa giải trong gia đình, dòng họ, cơ quan, tổ chức hoặc tổ hòa giải cơ sở để hóa giải các mâu thuẫn, tranh chấp và ngăn chặn phát sinh bạo lực gia đình.

Điều 28. Tiêu chuẩn đối với hòa giải viên tham gia hòa giải vụ việc bạo lực gia đình

1. Các hòa giải viên ngoài đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về hòa giải cơ sở còn phải có kiến thức pháp luật và kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực giới trong gia đình.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức cho các hòa giải viên tham gia hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm có trách nhiệm tổ chức tập huấn cho các hòa giải viên tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương IV BÁO TIN, NGĂN CHẶN; BẢO VỆ, HỖ TRỢ NGƯỜI BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ NGƯỜI THAM GIA PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Mục 1 BÁO TIN, PHÂN LOẠI VỤ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 29. Báo tin về bạo lực gia đình

1. Địa chỉ tiếp nhận tin báo về vụ việc bạo lực gia đình:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Công an cấp xã;
- c) Người đứng đầu cộng đồng dân cư (trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố);
- d) Đường dây quốc gia tiếp nhận thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình;
- đ) Các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương.

2. Hình thức báo tin về vụ việc bạo lực gia đình:

- a) Gọi điện, nhắn tin hoặc trực tiếp báo tin cho tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này;

- b) Gửi đơn, thư đề khiếu nại, tố cáo vụ việc bạo lực gia đình;
- c) Báo tin qua các ứng dụng trên internet.

3. Khi phát hiện bạo lực gia đình đã hoặc đang xảy ra, mọi cá nhân có quyền và trách nhiệm báo tin về vụ việc bạo lực gia đình đến các địa chỉ quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về bạo lực gia đình có trách nhiệm chuyển tin báo đến chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc bạo lực gia đình.

Điều 30. Trách nhiệm xác minh, phân loại, xử lý vụ bạo lực gia đình

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xác minh, phân loại, xử lý vụ việc bạo lực gia đình để ngăn chặn bạo lực gia đình và bảo vệ người bị bạo lực gia đình.

2. Nguyên tắc phân loại, xử lý bạo lực gia đình:

a) Việc phân loại, xử lý vụ việc bạo lực gia đình được thực hiện trên cơ sở kết quả xác minh vụ việc bạo lực gia đình;

b) Việc phân loại vụ việc bạo lực gia đình căn cứ vào mức độ ảnh hưởng của từng đối tượng bị bạo lực gia đình;

c) Việc xử lý bạo lực gia đình căn cứ vào kết quả phân loại tình trạng bạo lực gia đình.

3. Cơ sở y tế, cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm tiếp nhận sàng lọc, phân loại tình trạng người bị bạo lực gia đình và báo tin về vụ việc bạo lực gia đình cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở đặt trụ sở.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định nội dung, trình tự, thủ tục xác minh, phân loại vụ việc bạo lực gia đình.

5. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định nội dung, trình tự sàng lọc, phân loại mức độ ảnh hưởng, tình trạng bạo lực đối với người bị bạo lực gia đình tại Khoản 3 Điều này.

Mục 2

NGĂN CHẶN, BẢO VỆ, HỖ TRỢ NGƯỜI BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 31. Nguyên tắc ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình

1. Kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực và bảo vệ người bị bạo lực gia đình.
2. Ưu tiên bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ mang thai, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật.
3. Đảm bảo nhạy cảm giới trong việc bảo vệ người bị bạo lực gia đình.
4. Tôn trọng nhu cầu, nguyện vọng của người bị bạo lực gia đình.

Điều 32. Biện pháp chấm dứt hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình

1. Các biện pháp chấm dứt hành vi bạo lực gia đình:
 - a) Buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình;
 - b) Các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình;
 - c) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở công an cấp xã nơi xảy ra vụ việc bạo lực gia đình;
 - d) Cầm tiếp xúc.
2. Các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình:
 - a) Đảm bảo an toàn;
 - b) Đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu; chăm sóc sức khỏe người bị bạo lực gia đình tại cơ sở khám chữa bệnh;
 - c) Hỗ trợ khẩn cấp nơi ở và các nhu cầu thiết yếu;
 - d) Hỗ trợ tư vấn pháp lý, tâm lý;
 - đ) Hỗ trợ trong quá trình xét xử vụ việc bạo lực gia đình;
 - e) Hỗ trợ các kiến thức, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình;
 - g) Hỗ trợ sinh kế.
3. Mọi cá nhân có mặt tại nơi xảy ra vụ bạo lực gia đình chủ động phối hợp bảo vệ và hỗ trợ đưa người bị bạo lực gia đình đến nơi an toàn.

Điều 33. Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình

1. Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công xử lý vụ việc bạo lực gia đình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp chấm dứt hành vi bạo lực gia đình quy định tại điểm a và b Khoản 1 Điều 32 Luật này.

Ngoài đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, người có mặt tại nơi xảy ra bạo lực gia đình, tùy theo khả năng của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp chấm dứt hành vi bạo lực gia đình.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, người thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này được phép áp dụng các biện pháp giải cứu người bị bạo lực gia đình mà không phải bồi thường thiệt hại về tài sản do thi hành nhiệm vụ.

Điều 34. Yêu cầu người gây bạo lực gia đình đến trụ sở công an cấp xã

Việc yêu cầu người gây bạo lực gia đình đến trụ sở công an cấp xã phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

1. Khi tiếp nhận tin báo về bạo lực gia đình, công an cấp xã thực hiện ngay việc yêu cầu người bị nghi vấn có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở công an cấp xã để làm rõ vụ việc bạo lực gia đình.

2. Thời gian không quá 3 giờ mỗi lần yêu cầu đến trụ sở công an cấp xã.

3. Người được yêu cầu đến trụ sở công an cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ về vụ việc bạo lực gia đình.

4. Công an cấp xã có trách nhiệm thu thập thông tin về vụ việc bạo lực gia đình, tuyên truyền về kiến thức pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình cho người được yêu cầu; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả xác minh vụ việc bạo lực gia đình đối với trường hợp được yêu cầu đến trụ sở.

5. Người được yêu cầu phải đến trụ sở công an cấp xã đúng theo thời gian, địa điểm xác định. Trường hợp người được yêu cầu không đến thì bị đưa về trụ sở công an để ngăn chặn hành vi bạo lực.

Điều 35. Điều kiện, thẩm quyền và thời gian áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc

1. Điều kiện, thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo đề nghị của người bị bạo lực, người giám hộ hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư, công an cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức mà người bị bạo lực gia đình là thành viên trên cơ sở được sự đồng thuận của người bị bạo lực;

b) Tòa án nhân dân ban hành quyết định cấm tiếp xúc theo đề nghị của người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trên cơ sở đồng thuận của người bị bạo lực trong quá trình xét xử vụ án về bạo lực gia đình.

2. Thời gian cấm tiếp xúc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc không quá 3 ngày kể từ ngày ban hành quyết định;

b) Tòa án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc không quá 4 tháng kể từ ngày ban hành quyết định.

Điều 36. Thủ tục ban hành quyết định cấm tiếp xúc và hủy cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chậm nhất 6 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc; trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người yêu cầu biết.

2. Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ban hành và được gửi cho người gây bạo lực gia đình, người bị bạo lực gia đình, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của người bị bạo lực gia đình.

3. Trường hợp đã hết thời hạn cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được gia hạn cấm tiếp xúc theo đề nghị của người bị bạo lực, người giám

hộ hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư, công an cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức mà người bị bạo lực gia đình là thành viên trên cơ sở được sự đồng thuận của người bị bạo lực.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cấm tiếp xúc có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định đó khi có đơn yêu cầu của người bị bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.

Điều 37. Thủ tục áp dụng các biện pháp cấm tiếp xúc và huỷ cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án

1. Trước khi tiến hành xét xử vụ án ly hôn có nguyên nhân bạo lực gia đình Tòa án nhân dân ra quyết định cấm tiếp xúc giữa nguyên đơn và bị đơn trong quá trình xét xử cho ly hôn trên cơ sở được sự đồng thuận của người bị bạo lực.

2. Trong quá trình xét xử vụ án ly hôn chưa rõ nguyên nhân, xét thấy nguy cơ xảy ra bạo lực cho nguyên đơn, Tòa án nhân dân ra quyết định cấm tiếp xúc.

3. Tòa án nhân dân đã ra quyết định cấm tiếp xúc có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định cấm tiếp xúc theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này khi có đơn yêu cầu của người bị bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cấm tiếp xúc thực hiện tương tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

5. Tòa án nhân dân ban hành quyết định cấm tiếp xúc có trách nhiệm thông báo quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn biết trong vụ án ly hôn có nguyên nhân bạo lực gia đình.

Điều 38. Các nguyên tắc thực hiện trong thời gian cấm tiếp xúc

1. Người bị bạo lực gia đình được ưu tiên lựa chọn chỗ ở tại nhà hoặc nơi tạm lánh trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Tòa án áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.

2. Người bị cấm tiếp xúc phải giữ khoảng cách với người bị bạo lực gia đình tối thiểu 50m, trường hợp có vật ngăn cách đảm bảo an toàn cho người bị bạo lực gia đình thì không giới hạn khoảng cách.

3. Khuyến khích áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ để hỗ trợ giám sát việc thực hiện biện pháp cấm tiếp xúc.

Điều 39. Giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc

1. Công an cấp xã phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Quyết định cấm tiếp xúc của Tòa án nhân dân.

2. Người được phân công giám sát có nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; khi phát hiện người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm Quyết định cấm tiếp xúc thì báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trong trường hợp gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi hoặc các trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình và người bị bạo lực gia đình phải tiếp xúc với nhau thì đại diện gia đình phải báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, phải cam kết giám sát người có hành vi bạo lực gia đình và bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực gia đình.

Điều 40. Đảm bảo an toàn

1. Công an các cấp có trách nhiệm áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn cho người bị bạo lực trong quá trình can thiệp, hỗ trợ và xử lý vi phạm.

2. Tòa án nhân dân có trách nhiệm áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn cho người bị bạo lực gia đình trong quá trình xét xử, tố tụng.

Điều 41. Chăm sóc người bị bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tiếp nhận, sàng lọc, phân loại, chăm sóc, chữa trị người bị bạo lực gia đình và thống kê, báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước.

2. Cung cấp xác nhận tình trạng thương tật theo đề nghị của bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình.

3. Nhân viên y tế khi thực hiện nhiệm vụ của mình nếu phát hiện bệnh nhân có dấu hiệu bị bạo lực gia đình báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Người đứng đầu cơ sở khám, chữa bệnh thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở khám chữa bệnh đặt trụ sở về trường hợp bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở khám chữa bệnh đặt trụ sở khi nhận tin báo từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp bảo vệ bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình và thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người gây bạo lực cư trú để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 42. Hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình

1. Người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu sau đây:

a) Được bố trí chỗ ở tạm thời;

b) Được hỗ trợ ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác dựa trên đặc điểm về lứa tuổi, giới, tình trạng sức khỏe của người bị bạo lực gia đình.

2. Người chưa thành niên, người khuyết tật, người cao tuổi đi cùng người bị bạo lực gia đình cũng được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tại Điều này.

Điều 43. Tư vấn, hỗ trợ pháp lý, tâm lý cho người bị bạo lực gia đình

1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý hỗ trợ người bị bạo lực các dịch vụ tư vấn pháp lý trong việc giải quyết vụ việc bạo lực gia đình; hỗ trợ pháp lý trong trường hợp vụ việc bạo lực gia đình dẫn đến ly hôn, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình sau ly hôn.

2. Các tổ chức tham gia tư vấn về hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, hỗ trợ người bị bạo lực các dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý; hỗ trợ người bị bạo lực gia đình hòa nhập cộng đồng.

Điều 44. Bảo vệ người bị bạo lực gia đình trong quá trình xét xử tại tòa án

1. Tòa án ưu tiên giải quyết các vụ bạo lực gia đình liên quan đến trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi.

2. Khi được yêu cầu, cơ quan nhà nước về gia đình, cơ sở trợ giúp pháp lý và tổ chức liên quan có trách nhiệm tham gia quá trình tố tụng, xử lý các vụ việc bạo lực gia đình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình.

Mục 3

BẢO VỆ, HỖ TRỢ NGƯỜI THAM GIA PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 45. Bảo vệ người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác vụ việc bạo lực gia đình

1. Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác vụ việc bạo lực gia đình được bảo vệ thân thể, danh dự và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức các biện pháp nhằm bảo vệ thân thể, danh dự và tài sản cho người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác vụ việc bạo lực gia đình.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định các biện pháp bảo vệ người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác vụ việc bạo lực gia đình.

Điều 46. Các chính sách đối với người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người tố giác hành vi bạo lực gia đình

1. Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình được tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, người tố giác hành vi bạo lực gia đình nếu bị thiệt hại về tài sản mà người gây thiệt hại không có khả năng bồi thường thì được Nhà nước hoàn trả giá trị tài sản bị thiệt hại;

nếu bị tổn hại về sức khỏe thì tùy theo mức độ tổn hại và tính chất của vụ việc cụ thể mà được hỗ trợ chăm sóc y tế, trợ cấp thương tật, tử tuất; trường hợp bị chết mà có con chưa thành niên thì được Nhà nước trợ cấp nuôi con chưa thành niên, con đã thành niên còn đang đi học được Nhà nước hỗ trợ tiền học phí.

3. Người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình có hành vi dũng cảm, cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân nếu bị chết thì được xem xét công nhận như liệt sỹ, bị tổn hại sức khỏe được xem xét công nhận như thương binh.

4. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

5. Chính phủ quy định chi tiết Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT

TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP

HỖ TRỢ KIỂM SOÁT HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Mục 1

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 47. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Luật này; bị xử lý vi phạm hành chính; xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật về bạo lực gia đình bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý để giáo dục.

3. Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình gây ra.

Điều 48. Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình chưa đến mức phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi bạo lực gia đình chưa đến mức phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị góp ý, phê bình tại cộng đồng dân cư.

2. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư. Thành phần tham gia góp ý, phê bình bao gồm công an cấp

xã, đại diện gia đình người có hành vi bạo lực gia đình, hộ gia đình liền kề và các thành phần khác do trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mời.

3. Nội dung góp ý, phê bình gồm: lên án hành vi bạo lực gia đình; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình cam kết không tái diễn hành vi bạo lực gia đình; cung cấp các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Việc góp ý phê bình người có hành vi bạo lực gia đình được thực hiện tại nhà văn hóa thôn, tổ dân phố hoặc một địa điểm phù hợp khác.

5. Người có hành vi bạo lực gia đình sau khi được góp ý phê bình tại cộng đồng dân cư chịu sự giám sát của thành viên gia đình người có hành vi bạo lực gia đình, hộ gia đình liền kề và công an cấp xã.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

Điều 49. Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Người có hành vi bạo lực gia đình đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 50. Giám sát người có hành vi bạo lực gia đình

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; thành viên Ban công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thôn, tổ dân phố; chi hội trưởng các tổ chức chính trị-xã hội; công an cấp xã có trách nhiệm giám sát người có hành vi bạo lực gia đình sau khi được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Sử dụng phương tiện, thiết bị hỗ trợ để xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, người chứng kiến hành vi bạo lực gia đình được sử dụng điện thoại, camera an ninh và các phương tiện hỗ trợ khác để ghi âm, ghi hình làm chứng cứ.

2. Nội dung ghi âm, ghi hình quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ phục vụ mục đích cung cấp chứng cứ để xử lý vụ việc bạo lực gia đình.

Điều 52. Xử lý người dung túng, bao che bạo lực gia đình

1. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang dung túng, bao che hành vi bạo lực gia đình bị xử phạt hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

2. Người dung túng, bao che bạo lực gia đình không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này ngoài việc bị xử lý vi phạm còn phải thực hiện giáo dục kiến thức pháp luật theo quy định tại Điều 54 Luật này.

Mục 2 **CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ** **KIỂM SOÁT HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Điều 53. Hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình

1. Hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình được thực hiện nhằm phòng ngừa bạo lực gia đình thông qua các biện pháp chủ động giải tỏa áp lực tinh thần, nâng cao năng lực kiểm soát hành vi bạo lực.

2. Các biện pháp hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- a) Giáo dục kiến thức pháp luật cho người có hành vi bạo lực;
- b) Giáo dục kỹ năng kiểm soát cho người có hành vi bạo lực gia đình;
- c) Cai nghiện rượu, bia đối với trường hợp gây bạo lực gia đình.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

Điều 54. Giáo dục kiến thức pháp luật cho người có hành vi bạo lực

1. Người có hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm học một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Địa điểm học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về giáo dục kiến thức pháp luật cho người có hành vi bạo lực gia đình.

Điều 55. Giáo dục kỹ năng kiểm soát cho người có hành vi bạo lực gia đình

1. Kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực là tập hợp các kỹ năng nhằm hỗ trợ cho người có hành vi bạo lực gia đình làm chủ được bản thân trong các tình huống căng thẳng.

2. Các kỹ năng hỗ trợ gồm kỹ năng kiểm soát cảm xúc khi căng thẳng, kỹ năng xử lý các mâu thuẫn trong gia đình, kỹ năng ứng xử trong gia đình, kỹ năng lắng nghe và chia sẻ và một số kỹ năng khác theo nhu cầu của người có hành vi bạo lực gia đình.

3. Người có hành vi bạo lực gia đình bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự phải qua khóa học kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục kỹ năng kiểm soát hành vi cho người có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình và người quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng tài liệu giáo dục kiểm soát hành vi bạo lực.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyên truyền, giáo dục kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình cho cán bộ, hội viên.

Điều 56. Cai nghiện rượu, bia đối với trường hợp gây bạo lực gia đình

1. Người nghiện rượu, bia có hành vi bạo lực gia đình ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tự nguyện tham gia cai nghiện rượu, bia và cam kết tuân thủ theo quy định của cơ quan y tế về phác đồ điều trị nghiện rượu, bia.

2. Người đủ 18 tuổi trở lên nghiện rượu, bia có hành vi bạo lực gia đình không tự nguyện cai nghiện rượu, bia theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình thì phải cai nghiện bắt buộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện ra quyết định đưa đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này cai nghiện bắt buộc.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VI CƠ SỞ TRỢ GIÚP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 57. Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở trợ giúp người bị bạo lực gia đình là nơi chăm sóc, tư vấn, tạm lánh, hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho người bị bạo lực gia đình và hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

2. Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm:

- a) Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư;
- b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- c) Cơ sở trợ giúp xã hội;
- d) Trung tâm trợ giúp pháp lý;
- đ) Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
- e) Cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình;
- g) Cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

Điều 58. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư

1. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư do cá nhân, tổ chức có uy tín, khả năng giúp đỡ người bị bạo lực gia đình tự nguyện đăng ký.

2. Cá nhân, tổ chức đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa chỉ tin cậy.

3. Tùy theo điều kiện và khả năng thực tế, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư tiếp nhận người bị bạo lực gia đình, hỗ trợ, tư vấn, bố trí nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã công bố các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư, thực hiện việc hướng dẫn, tổ chức tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình và thực hiện các biện pháp bảo vệ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư trong trường hợp cần thiết.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tuyên truyền, vận động xây dựng các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư.

Điều 59. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc chăm sóc y tế cho bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 41 của Luật này; tư vấn về chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân là người bị bạo lực gia đình.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập ngoài việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy theo khả năng và điều kiện thực tế, bố trí nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình trong thời gian không quá 1 ngày theo yêu cầu của người bị bạo lực gia đình.

Điều 60. Cơ sở trợ giúp xã hội

Cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện việc chăm sóc và hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho người bị bạo lực gia đình trong thời gian người bị bạo lực gia đình lưu trú tại cơ sở.

Điều 61. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người bị bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 62. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình

1. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện các hoạt động tư vấn tâm lý, tình cảm, pháp luật cho các đối tượng có nhu cầu được tư vấn.

2. Cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình thực hiện các hoạt động tư vấn, chăm sóc sức khỏe, bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ các điều kiện thiết yếu khác cho người bị bạo lực gia đình.

3. Cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình thực hiện các hoạt động tư vấn và áp dụng các biện pháp hỗ trợ để giải tỏa áp lực tinh thần cho người có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình.

4. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình (sau đây gọi là cơ sở) ngoài công lập được hưởng chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và giáo dục đào tạo.

Điều 63. Điều kiện thành lập cơ sở

1. Điều kiện thành lập cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình:

- a) Có nơi làm việc cố định;
- b) Có nguồn kinh phí để đảm bảo hoạt động của cơ sở;
- c) Người đứng đầu cơ sở phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc trường hợp đang trong thời gian chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở chữa bệnh, đưa vào cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- d) Có nhân viên tư vấn và người làm việc tại cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 63 Luật này.

2. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình:

- a) Các Điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;
- b) Cơ sở có diện tích tối thiểu là 30 m², có phòng được bố trí là nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình và phải đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, môi trường.

3. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình:

- a) Các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;
- b) Cơ sở có diện tích tối thiểu là 100 m² đối với trụ sở đặt ở các quận, thành phố thuộc tỉnh, có diện tích tối thiểu 200 m² đối với các địa bàn còn lại.

Điều 64. Thủ tục đăng ký hoạt động của cơ sở

1. Cơ sở chỉ được hoạt động sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm:

- a) Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở;
- b) Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở;
- c) Giấy tờ, tài liệu chứng minh bảo đảm đủ điều kiện thành lập cơ sở theo quy định tại Điều 63 Luật này;
- d) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa chỉ trụ sở hoạt động của cơ sở.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động của cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Cơ sở chỉ hoạt động theo đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Khi thay đổi tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, nội dung hoạt động của cơ sở thì người đứng đầu cơ sở đó phải làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

5. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể thủ tục đăng ký hoạt động của cơ sở.

Điều 65. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở ngoài công lập do tổ chức, cá nhân là người nước ngoài hoạt động ở Việt Nam thành lập; do tổ chức, cá nhân là người Việt Nam thành lập bằng nguồn vốn viện trợ, hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức có yếu tố nước ngoài;

b) Cơ sở tư vấn hoạt động trên không gian mạng, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện tư vấn về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập;

b) Cơ sở do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập mà không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập;

b) Cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập mà không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 66. Tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở

1. Cơ sở trong quá trình hoạt động không còn bảo đảm đủ điều kiện theo quy định tại Điều 63 Luật này thì bị tạm đình chỉ hoạt động cho đến khi bảo đảm đủ điều kiện hoạt động.

2. Cơ sở bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp cho cơ sở không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định của pháp luật;

b) Sau 6 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, cơ sở không hoạt động;

c) Cơ sở thay đổi mục đích hoạt động;

d) Cơ sở bị giải thể.

3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp trên hoặc cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở đó.

Điều 67. Tiêu chuẩn đối với nhân viên tư vấn, nhân viên hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, nhân viên hỗ trợ người có nguy cơ cao kiểm soát hành vi bạo lực gia đình

1. Nhân viên tư vấn, nhân viên hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, nhân viên hỗ trợ người có nguy cơ cao kiểm soát hành vi bạo lực gia đình là người:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt;
- c) Có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm tại cơ sở;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định nội dung chương trình bồi dưỡng, điều kiện cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên tư vấn, nhân viên hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, nhân viên hỗ trợ người có nguy cơ cao kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

Chương VII

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 68. Hoạt động phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình

1. Hoạt động phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình giúp Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc giữa các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chính phủ lập ban chỉ đạo phối hợp liên ngành trung ương; Ủy ban nhân dân các cấp thành lập ban chỉ đạo ở địa phương để thực hiện hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 69. Đào tạo, bồi dưỡng người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với trách nhiệm được giao.

2. Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công an cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng dân cư được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng tâm lý, gia đình và nhạy cảm giới.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan xây dựng tài liệu mẫu và phối hợp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 70. Nguồn tài chính cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình

1. Nguồn tài chính cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm nguồn từ ngân sách Nhà nước, quỹ hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, các khoản đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Kinh phí cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình của các tổ chức ngoài công lập do tổ chức đó tự bảo đảm.

Điều 71. Quỹ hỗ trợ người bị bạo lực gia đình

1. Quỹ hỗ trợ người bị bạo lực gia đình được thành lập để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm bổ sung nguồn lực hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.

2. Tổ chức, hoạt động của Quỹ hỗ trợ người bị bạo lực gia đình thực hiện theo quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 72. Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình

1. Cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình là tập hợp thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình được số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin và được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc xây dựng, nội dung, trách nhiệm và cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 73. Đường dây quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Đường dây quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình được xây dựng để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi bạo lực gia đình.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và hợp nhất đường dây quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình với đường dây quốc gia bảo vệ trẻ em 111; quy định quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, tin báo qua đường dây.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 74. Nội dung quản lý Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình, hướng dẫn lồng ghép phòng, chống bạo lực gia đình trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng và vận động xã hội tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Hướng dẫn xây dựng và duy trì mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động các cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Biểu dương, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phòng, chống bạo lực gia đình.

8. Thống kê, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo việc thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình.

9. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về phòng, chống bạo lực gia đình.

10. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 75. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình và điều phối liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

5. Người đứng đầu chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về kết quả phòng, chống bạo lực gia đình theo phân cấp.

Điều 76. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp liên ngành trong công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở, việc thành lập, giải thể cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, hướng dẫn xây dựng thiết chế gia đình và thiết chế văn hóa cơ sở trong phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình, xử lý vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn tài liệu mẫu tuyên truyền, giáo dục, phổ biến cho học sinh, sinh viên kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình.

8. Chủ trì, hướng dẫn công tác tổng hợp, phân tích về tình hình phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo xây dựng, thực hiện, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc biên tập, cung cấp thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo tổ chức tuyên truyền thông qua các loại hình văn hóa, nghệ thuật và qua hình thức biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phòng, chống bạo lực gia đình.

10. Hướng dẫn các địa phương đưa nội dung phòng, chống bạo lực gia đình vào hương ước, quy ước cộng đồng dân cư.

Điều 77. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm ban hành văn bản quy định những nội dung cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chung và nhiệm vụ cụ thể được giao trong Luật này, xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình theo ngành, lĩnh vực được phân công.

3. Thực hiện phối hợp liên ngành trong công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật.

4. Hằng năm hoặc đột xuất báo cáo việc thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Điều 78. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, chỉ tiêu về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.
3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình.
4. Ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền của tổ chức, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.
5. Tổ chức, quản lý, tạo điều kiện cho cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động theo thẩm quyền.
6. Bố trí người thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình ở địa phương.
7. Bố trí kinh phí và vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này.
8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình trong phạm vi quản lý trong quy định của Luật này.
9. Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các vụ việc bạo lực gia đình trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tại thời điểm xảy ra vụ việc để giải quyết.
2. Đối với vụ việc bạo lực gia đình do Tòa án thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì áp dụng thủ tục theo quy định của Luật này.
3. Không áp dụng Luật này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với vụ việc mà Tòa án đã giải quyết theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trước ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 202...
2. Luật phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứthông qua ngày thángnăm 2022./.